

Kính gửi:.....

Kính đề nghị đại biểu góp ý trực tiếp vào dự thảo Nghị quyết này và gửi lại cho Văn phòng HĐND & UBND huyện trước 15h00' ngày 23/12/2021 để tổng hợp.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND  
(Dự thảo)

Đông Giang, ngày tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT  
Kế hoạch đầu tư công năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG GIANG  
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ...../12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của các đại biểu tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022, cụ thể như sau:

1. Tổng nguồn vốn đầu tư năm 2021: 99.439 triệu đồng; trong đó:
  - Ngân sách địa phương: 60.039 triệu đồng.
  - Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ: 37.400 triệu đồng.
  - Nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương: 2.000 triệu đồng.
2. Kế hoạch phân bổ:
  - Thanh toán nợ: 15.955,069 triệu đồng.
  - Chuyển tiếp: 47.005 triệu đồng.
  - Xây dựng mới: 36.478,931 triệu đồng.
3. Danh mục công trình: (Chi tiết có phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Một số giải pháp điều hành vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022:



1. Đảm bảo quy định của Luật Đầu tư công 2019, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ, Luật Ngân sách Nhà nước, các quy định pháp luật khác liên quan và quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

2. Phù hợp với mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021 - 2025 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 của huyện; phù hợp quy hoạch vùng huyện, quy hoạch nông thôn mới và khả năng cân đối, bố trí vốn giai đoạn 2021-2025 và năm 2022.

3. Tăng cường công tác quản lý đầu tư, kiểm tra, giám sát chặt chẽ trong quá trình thi công dự án đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật về đầu tư công; xử lý nghiêm các trường hợp sai phạm.

4. Chỉ đạo quyết liệt các chủ đầu tư, các ngành, địa phương tăng cường phối hợp, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định; kiểm soát quy trình, thời hạn thẩm định, tham gia ý kiến của các ngành chuyên môn, quy trách nhiệm, có chế tài xử lý trách nhiệm đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân kéo dài thời hạn giải quyết hồ sơ, thực hiện sai quy trình, thủ tục đầu tư, cho tạm ứng vốn nhưng không có khối lượng thanh toán làm phát sinh tăng nợ tạm ứng quá hạn. Đẩy nhanh tiến độ quyết toán các dự án hoàn thành.

5. Thực hiện quyết liệt, kịp thời điều chuyển vốn của các dự án chậm giải ngân, không có khối lượng cho các dự án khác có nhu cầu, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.

6. Đảm bảo tính tập trung, nâng cao hiệu quả đầu tư; bảo đảm công khai, minh bạch và công bằng; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho cấp xã theo quy định của pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.

7. Bố trí vốn phải đảm bảo theo thứ tự ưu tiên sau:

- Ưu tiên 1: Bố trí vốn để thu hồi các khoản vốn ứng trước; thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản còn lại chưa thanh toán; thanh toán khối lượng hoàn thành của các dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025.

- Ưu tiên 2: Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng, quyết toán nhưng chưa bố trí đủ vốn.

- Ưu tiên 3: Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2022.

- Ưu tiên 4: Dự án khởi công mới năm 2022 chỉ bố trí vốn khi đảm bảo các điều kiện quy định của Luật Đầu tư công và hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng.

8. Vốn bố trí cho các dự án sử dụng nhiều nguồn phải đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa các cấp ngân sách theo cam kết và tiến độ thực hiện dự án.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết. Chỉ đạo các cơ quan liên quan hoàn chỉnh các hồ sơ thủ tục, trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định các nội dung theo thẩm quyền:

- Quyết định Chủ trương đầu tư dự án khởi công mới (theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019).

- Quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 đảm bảo đúng quy định pháp luật đầu tư công.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện quyết định phương án phân bổ nguồn vượt thu, tăng thu, cải cách tiền lương, tiết kiệm chi ngân sách, nguồn thu khai thác quỹ đất năm 2022; báo cáo Hội đồng nhân dân huyện tại các kỳ họp trong năm 2022.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng Nhân dân huyện Đông Giang khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2021./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- VP ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- Các Sở: TC, KH-ĐT;
- BTV Huyện ủy;
- Thường trực HĐND, UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các vị Đại biểu HĐND huyện;
- TT HĐND các xã, thị trấn;
- C, PVP;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Duy Thắng**



**PHU LỤC: DANH MỤC CÔNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2022**  
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện Đông Giang)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt			Lấy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2021		Ng quỹ XDCB năm 2021 đến 30/11/2021	Kế hoạch năm 2022			Đơn vị Chủ đầu tư	Ghi chú		
						Tổng số	Chiều theo nguồn		Tổng số	Trên dự NSTW, NST hỗ trợ		Tổng số	Chiều theo nguồn vốn					
							Ngoài nước	NSTW, NST					NS huyện, xã	NSTW,			NST	NS huyện, xã
<b>A</b>	<b>TỔNG SỐ</b>					<b>544.984</b>	<b>13.576</b>	<b>315.919</b>	<b>229.066</b>	<b>183.913</b>	<b>116.185</b>	<b>276.313</b>	<b>99.439.000</b>	<b>2.000.000</b>	<b>37.400.000</b>	<b>60.039.000</b>		
<b>B</b>	<b>NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>					<b>199.773</b>	<b>13.576</b>	<b>39.689</b>	<b>160.085</b>	<b>66.794</b>	<b>19.277</b>	<b>48.221</b>	<b>60.039.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>60.039.000</b>		
<b>J</b>	<b>NGUỒN XDCB TT</b>					<b>125.126</b>	<b>-</b>	<b>26.113</b>	<b>99.014</b>	<b>66.794</b>	<b>19.277</b>	<b>28.221</b>	<b>15.039.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>15.039.000</b>		
	<b>Thanh toán nợ</b>					<b>84.827</b>	<b>-</b>	<b>12.395</b>	<b>72.432</b>	<b>59.935</b>	<b>12.418</b>	<b>15.158</b>	<b>11.455,069</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>11.455,069</b>		
1	Trường THCS Mẹ Thứ	TT Prao	Khởi hiệu bộ, chức năng 2 tầng S=600 m <sup>2</sup> ; Nhà công vụ GV 2 tầng, 8 phòng	2016-2018	2121-29/10/2015	8.147		8.147	6.756		-	1.000,000	1.000,000			1.000,000	Ban QLDA-PTQĐ	ĐH QT
2	Đường từ phía Tây cầu A Vương đến khu liên hợp thể thao huyện (Giai đoạn II)	TT Prao	Km0+00- km0+720,10, Bm=5,25m	2019-2020	1165-11/7/2019	12.131		12.131	7.100			1.422,560	1.422,560			1.422,560	Ban QLDA-PTQĐ	ĐH QT
3	Đường GTNT thôn Đào, xã Sông Kôn đến thôn A Râm xã Jo Ngây (Giai đoạn I)	xã Sông Kôn	Km0+00-Km1+00. Điểm đầu tại Km0+00 giáp nối QL14G tại Km18+900- Điểm cuối tại Km1+00	2019-2020	1946-22/10/2019	14.565		14.565	11.157			403,686	403,686			403,686	Ban QLDA-PTQĐ	ĐH QT
4	Nâng cấp mở rộng tuyến ĐH4 ĐG đoạn từ thôn A Râm 2 (cũ) đến thôn Zà Há (cũ) (nay là thôn Ra Nuôi) giáp đường ĐH12 ĐG	Xã Jo Ngây	L= 1,444m, Bm= 6,5m, Bn=3,5m, 01 công trình cầu, 06 công tròn, 02 công bán	2020-2021	981-18/6/2020	12.500		12.500	10.200			2.300,000	1.530,000			1.530,000	Phòng KT&HT	
5	Sửa chữa, nâng cấp đường ĐH12. Hạng mục: Kè chắn dải và gia cố mặt đường, mái ta luy.	Xã Jo Ngây	L= 293m Bn= 7m, Bm=5,5m, BTKĐ dải 24cm	2020-2021	1265-17/8/2020	14.784		14.784	9.000			4.183,082	2.599,515			2.599,515	Ban QLDA-PTQĐ	ĐH QT
6	Hệ thống nước sinh hoạt liên thôn xã Tư	Xã Tư	Đập dâng cao 1,2m, dài 7,5m, rộng 1,2m; bể chứa 180m <sup>3</sup> , chiều dài tuyến ống chính L=14km, cấp nước cho khoảng 280 hộ/1.120 nhân khẩu thuộc thôn Đa Nghi, thôn Diêm, thôn Lây và thôn Nà Hoa	2019-2021	2168-26/11/2019	13.080		11.118	1.962	11.322	11.118	1.019,945	1.019,945			1.019,945	Ban QLDA-PTQĐ	ĐH QT
8	Trường tiểu học xã A Ting. Hạng mục: nhà vệ sinh học sinh, bể nước, giếng khoan	xã A Ting	nhà vệ sinh học sinh, bể nước, giếng khoan	2020-2021	1072-13/7/2020	1.127		1.127	200			716,280	716,280			716,280	Ban QLDA-PTQĐ	ĐH QT
9	Trường Tiểu học xã A Rooli. Hạng mục nhà đa năng và nội trú, nhà vệ sinh học sinh	xã A Rooli	Nhà đa năng và nội trú, nhà vệ sinh học sinh	2020-2021	1764-25/9/2020	2.085		2.085	500			1.480,677	721,549			721,549	Ban QLDA-PTQĐ	
10	Cải tạo dòng suối khu vực phòng thủ BCH quân sự huyện Đông Giang	TT Prao	L= 500m	2020-2021	2028-12/11/2020	713		713	300			401,186	401,186			401,186	Ban QLDA-PTQĐ	ĐH QT
11	Cải tạo, nâng cấp nhà máy nước thị trấn Prao ( giai đoạn I)	TT Prao	Nâng cấp nhà máy nước thị trấn Prao	2020-2021	724-20/3/2021	4.276		4.276	2.100			2.176,275	1.000,000			1.000,000	Ban QLDA-PTQĐ	
12	Nâng cấp, thay lợp cánh đồng Pa Nêh	xã A Rooli	S= 3ha	2020-2021	1068-13/7/2020	680		612	68	600	600	41,227	41,227			41,227	Ban QLDA-PTQĐ	ĐH QT
13	Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi thôn Ra Đung, thôn Ra Nuôi, thôn Ra Lang xã Jo Ngây	xã Jo Ngây	S= 4,5ha	2020-2021	1605-08/9/2020	739		666	74	700	700	13,572	13,572			13,572	Phòng NN&PTNT	ĐH QT
	<b>Đổi ứng Chương trình 135</b>					<b>4.831,137</b>	<b>0,000</b>	<b>4.106,466</b>	<b>724,671</b>	<b>4.139,029</b>	<b>3.240,030</b>	<b>631,050</b>	<b>336,683</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>336,683</b>		
1	Đường GTNT thôn Chờ nét - Pá Zih (Tứ Cầu treo thôn chờ nét đến hồ ao cá Cơ Lầu Cơi thôn Pá Zih)	xã A Tag	L=440m.	2019-2020	79-26/09/2019	1.044		888	157	888	-	156,657	48,783			48,783	UBND xã A Ting	ĐH QT
2	Đường dẫn sinh thôn Phú Sơn	Xã Ba	Mặt đường bê tông xi măng, M300, L=230m	2019-2020	222-12/11/2019	965		820	145	820	820	130,570	84,663			84,663	UBND xã Ba	ĐH QT
3	Đường từ nhà bà A Lăng thị Ting (A Xanh Gó) đến đường Za Hung - Jo Ngây (Giai đoạn III)	Xã Zà Hung	Cầu bê tông cốt thép, L=20m, chiều rộng L=3,5m	2020-2021	51a-23/7/2020	527		448	79	449	449	62,489	36,927			36,927	UBND xã Zà Hung	ĐH QT
4	Xây dựng cầu bê tông thôn Bến Hiên	xã Ká Dăng	Đường GTNT cấp B, L=250m	2020-2021	63-16/7/2020	1.728		1.469	259	1.479	1.479	238,144	151,657			151,657	UBND xã Ká Dăng	ĐH QT
5	Đường GTNT thôn Cloó (Nay là thôn Ra Lang) - Thôn Kéng (Nay là thôn Ra Đung) (Giai đoạn 3), hạng mục nền đường hệ thống thoát nước	xã Jo Ngây	Đường GTNT cấp B, L=250m	2020-2021	62a-23/6/2020	567		482	85	504	493	43,190	14,653			14,653	UBND xã Jo Ngây	ĐH QT
	<b>Đổi ứng Chương trình NTM</b>					<b>557,197</b>	<b>-</b>	<b>501,477</b>	<b>55,720</b>	<b>529,887</b>	<b>529,887</b>	<b>27,310</b>	<b>24,587</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>24,587</b>		
1	Khu vui chơi người già và trẻ em xã Tư (GP II)	Xã Tư	S= 1 ha	2020-2021	54-03/7/2020	557		501	56	530	530	27,310	24,587			24,587	UBND xã Tư	ĐH QT
	<b>Đổi ứng vốn BTH GTNT</b>					<b>1.121</b>	<b>-</b>	<b>789</b>	<b>332</b>	<b>789</b>	<b>789</b>	<b>332</b>	<b>224,279</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>224,279</b>		



STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt				Lấy từ vốn đã bố trí đến 30/11/2021		Nợ XDCB năm 2021 đến 30/11/2021	Kế hoạch năm 2022			Đơn vị Chủ đầu tư	Ghi chú	
						Tổng số	Chia theo nguồn			Tổng số	Trợ cấp NSTW, NST hỗ trợ		Tổng số	Chia theo nguồn vốn				
							Ngoài nước	NSTW, NST	NS huyện, xã					NSTW,	NST			NS huyện, xã
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	17	18	19	21	22	23			
1	Đường GTNT thôn Tổng Cooi (Đoạn từ nhà ông Tài đến nhà bà Tinh)	xã Ba	L= 190m	2020-2021	214a-20/02/2020	196		138	59	138	138	59	39,292		39,292	UBND xã Ba		
2	Đường GTNT thôn Quyết Thắng (Đoạn từ đường ĐH1 ĐG đến nhà bà Lôi)	xã Ba	L= 120m	2020-2021	212a-20/02/2020	124		87	37	87	87	37	24,816		24,816	UBND xã Ba		
3	Đường GTNT thôn Tổng Cooi (Đoạn từ nhà ông Hồ Văn Khản đến trụ sở UBND xã Ba)	xã Ba	L= 450m	2020-2021	213a-20/02/2020	465		326	140	326	326	140	93,060		93,060	UBND xã Ba		
4	Đường GTNT thôn A Xơ (Từ Đường Hồ Chí Minh lên trường tiểu học Mã Cooih)	xã Mã Cooih	L= 200m	2020-2021	202-18/02/2020	203		145	58	145	145	58	40,600		40,600	UBND xã Mã Cooih		
5	Đường GTNT thôn A Roong (Từ nhà ông A lăng Rung đến nhà ông Anhừ: 50m và từ nhà ông BHúc đến nhà ông Bnướch Ô: 80m)	xã Mã Cooih	L= 130m	2020-2021	210-18/2/2020	133		94	38	94	94	38	26,511		26,511	UBND xã Mã Cooih		
<b>Dự án chuyển tiếp</b>						19.922	-	13.718	6.204	6.859	6.859	13.063	1.000,000	-	-	1.000,000		
1	Kiến cơ hòa tuyến đường ĐH2 ĐG năm 2021. Hàng mục: Mặt đường từ Km0+00-Km2+00 và rãnh dọc	Xã Ba	L=2km, Bnén=6,5m, Bm=5m	2021-2022	1763-23/8/2021	9.013		6.216	2.797	3.108	3.108	5.904,577	500,000		500,000	Phòng KT&HT		
2	Kiến cơ hòa tuyến đường ĐH1 ĐG năm 2021. Hàng mục: Mặt đường từ Km6+950-Km9+00 và rãnh dọc	Xã Tư	L=2,050km, Bnén=6,5m, Bm=5m	2021-2022	1863-15/9/2021	10.909		7.502	3.407	3.751	3.751	7.158,049	500,000		500,000	Phòng KT&HT		
<b>Xây dựng mới</b>						20.378	0	0	20.378	0	0	0	2.583,931	-	-	2.583,931		
1	Trụ sở UBND xã Mã Cooih	xã Mã Cooih	10 phòng làm việc	2022	Chưa cấp	10.000				10.000			1.000,000		1.000,000	Ban QLDA-PTQĐ		
2	Nghĩa trang nhân dân thị trấn Prao	TT Prao	Nghĩa trang nhân dân S= 1,56ha, Đường bê tông vào nghĩa trang L= 256,03m, sân bê tông, đường nội bộ	2022	274-08/02/2021	4.998			4.998				500,000		500,000	Ban QLDA-PTQĐ		
3	Nhà văn hóa UBND thị trấn Prao	TT Prao	Hội trường 150 chỗ	2022	1837-09/10/2021	3.879			3.879				500,000		500,000	Ban QLDA-PTQĐ		
4	Đài bán Cơ quan Quân sự huyện	xã Tà Lu	Sxd= 100m²	2022	Chưa cấp	1.500			1.500				583,931		583,931	Ban QLDA-PTQĐ		
<b>II VỐN KHAI THÁC QUỸ ĐẤT</b>						13.576	13.576	13.576	-	-	-	20.000	20.000,000	-	-	20.000,000		
<b>Thanh toán nợ</b>													20.000,000					
1	Trả quỹ phát triển đất tỉnh đã cho vay công trình: Bồi thường, GPMB các công trình phát triển KTXH năm 2020	TT Prao				4.500		4.500					4.500,000		4.500,000	Ban QLDA-PTQĐ		
2	Trả quỹ phát triển đất tỉnh đã cho vay công trình: KTQĐ từ nhà ông Nguyễn Văn Hoàng đến UBND xã Ba	Xã Ba				5.000		5.000					5.000,000		5.000,000	Ban QLDA-PTQĐ		
3	Trả quỹ phát triển đất tỉnh đã cho vay công trình: Đường từ xã Tà Lu- TT Prao- xã xã Hùng ( từ trung tâm huyện Đông Giang đi Đại Lộc)	TT Prao				1.924		1.924					1.923,631		1.923,631	Ban QLDA-PTQĐ		
4	Trả quỹ phát triển đất tỉnh đã cho vay công trình: Các tuyến nội thị TT Prao	TT Prao				2.152		2.152					2.151,369		2.151,369	Ban QLDA-PTQĐ		
5	Bổ trí thanh toán đến bù-GPMB các công trình năm 2022	TT Prao											6.425,000		6.425,000			
<b>III Nguồn sự nghiệp kinh tế ( Ngân sách huyện)</b>						61.071	-	-	61.071	-	-	-	25.000,000		25.000			
<b>Xây dựng mới</b>													25.000,000					
1	Công viên văn hóa Cơ tu	TT Prao	S= 3ha	2022	Chưa cấp	38.000			38.000				15.000,000		15.000	Ban QLDA-PTQĐ		
2	Công viên 2 bờ sông A Vương	TT Prao	L= 1000m	2022	Chưa cấp	5.000			5.000				2.000,000		2.000	Ban QLDA-PTQĐ		
3	Tuyến đường Nguyễn Thị Minh Khai	TT Prao	L=900m	2022	Chưa cấp	10.609			10.609				4.000,000		4.000,000			
4	Tuyến đường Huỳnh Thúc Kháng	TT Prao	L=470m	2022	Chưa cấp	4.020			4.020				2.000,000		2.000,000			
5	Tuyến đường Âu Cơ	TT Prao	L=270m	2022	Chưa cấp	3.442			3.442				2.000,000		2.000,000			
<b>B NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ</b>						310.211	-	241.230	68.981	87.119	66.908	223.092	37.400,000	-	37.400,000			
<b>I Chương trình, Nghị Quyết HĐND tỉnh</b>						14.996	-	9.930	5.066	10.238	9.000	4.758	3.400,000	-	3.400,000	-		
1	Đường vào khu sản xuất thôn A Đình	TT Prao	L= 3,00km, Bm=3,5m, Bn=5m 16 công	2019-2021	1613-09/9/2020	14.996		9.930	5.066	10.238	9.000	4.758	930,000		930,000	Phòng KT&HT		
2	Hỗ trợ người có công cách mạng về nhà ở	các xã											2.470,000		2.470,000	UBND các xã		
<b>II Ngân sách tỉnh hỗ trợ theo danh mục dự án</b>						263.823	-	231.300	32.523	58.908	57.908	204.916	24.000,000	-	24.000,000	-		

STT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt			Lấy kế -in đã bố trí đến 30/11/2021		Số XDCB năm 2021 đến 30/11/2021	Kế hoạch năm 2022			Đơn vị Chủ đầu tư	Ghi chú		
						Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Trên đó NSTW, NST hỗ trợ		Tổng số	Chia theo nguồn vốn					
							Ngoài nước	NSTW, NST					NS huyện, xã	NSTW,			NST	NS huyện, xã
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	17	18	19	21	22	23			
1	Đường nội thị thị trấn Prao	TT Prao	Gồm 05 đoạn tuyến L= 1,660,1 m, đoạn tường chắn L= 122,91m	2019-2021	3878-28/11/2019	80.000		56.000	24.000	29.000	28.000	51.000	5.000,000		5.000,000		Ban QLDA-PTQD	
2	Đường giao thông đến Trung tâm xã Kà Dăng	xã Kà Dăng	L=900m, đường cấp V miền núi, tiêu chuẩn TCVN 4054-2005	2020-2021	2127-02/12/2020	13.823		13.300	523	5.000	5.000	8.823	3.000,000		3.000,000		Ban QLDA-PTQD	
3	Đường Nội thị phía Tây thị trấn Prao	TT Prao	L=7,3 km. Bn= 7,5m, Bm=5,5m	2021-2023	3295-25/11/2020	170.000		162.000	8.000	24.908	24.908	145.092	16.000,000		16.000,000		Ban QLDA-PTQD	
<b>III</b>	<b>Hỗ trợ cơ sở vật chất hội thi thể thao các dân tộc miền núi</b>					<b>31.392</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>31.392</b>	<b>17.973</b>	<b>-</b>	<b>13.419</b>	<b>10.000,000</b>	<b>-</b>	<b>10.000,000</b>	<b>-</b>		
1	Công trình: Sân vận động thuộc khu Liên hợp TĐTT. Giai đoạn III.	TT Prao	Sân nền lần 2 (2,1ha); kê bê tông ốp mái sân vận động, bãi đỗ xe, đường giao thông nội bộ, công khu liên hợp	2018-2021	643-03/5/2018.	14.004			14.004	7.975		6.028	4.000,000		4.000,000		Ban QLDA-PTQD	
2	Khu liên hợp thể thao giai đoạn 4. Hạng mục: Nhà thi đấu đa năng	TT Prao	Nhà thi đấu đa năng diện tích 2.145,6m²; cấp điện, cấp nước, bãi đỗ xe và đường giao thông nội bộ	2019-2021	1232-31/7/2019.	14.930			14.930	9.330		5.600	4.477,135		4.477,135		Ban QLDA-PTQD	Đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng
3	Hệ thống điện khu liên hợp thể thao	TT Prao	Hệ thống điện phục vụ khu liên hợp thể thao huyện	2020-2021	1772-29/9/2020	1.100			1.100	268		832	640,925		640,925		Ban QLDA-PTQD	Đã QT
4	Hệ thống nước khu liên hợp thể thao	TT Prao	Hệ thống nước khu liên hợp	2020-2021	929-05/6/2020	233			233	100		133	131,940		131,940		Ban QLDA-PTQD	Đã QT
5	Sân nền, mương thoát nước xung quanh nhà đa năng khu liên hợp thể thao huyện	TT Prao	Sân nền, mương thoát nước xung quanh sân vận động	2021	1023-01/6/2021	1.124			1.124	300		824	750,000		750,000		Ban QLDA-PTQD	Đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng
<b>C</b>	<b>NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>					<b>35.000</b>	<b>-</b>	<b>35.000</b>	<b>-</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	<b>5.000</b>	<b>2.000,000</b>	<b>2.000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>																	
1	Điểm định canh tập trung thôn Độc kiến, xã Ba. Hạng mục: Đường giao thông nông thôn ( giai đoạn 1: Nền đường và hệ thống thoát nước)	Xã Ba	L= 3,72km, Bn=6,5m, 01 cầu BTCT DWL Bn= 7,0m	2020-2022	2032-29/7/2020	35.000		35.000		30.000	30.000	5.000	2.000,000		2.000,000		Ban QLDA-PTQD	